TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
"*Về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thanh.
2. Ông Hoàng Văn Thiết.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị B, sinh năm 1990.
- Bị đơn: Anh Bàn Văn C, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh C đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai bổ sung, nguyên đơn chị Lưu Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 09/01/2009 tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống trong làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng không có công ăn việc làm ổn định nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn dẫn đến vợ chồng

thường xuyên đánh cãi chửi nhau, không ai quan tâm, yêu thương và tin tưởng nhau trong cuộc sống.

Chị đã nhiều lần nói chuyện trực tiếp, thông báo bằng điện thoại với anh C về việc chị làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh C. Anh C cũng xác định không còn tình cảm với chị và nhất trí ly hôn nhưng không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Sau đó anh C đi làm ăn xa nhà, nhiều lần chị đã điện thoại bảo anh C về Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh C nói không về, chị hỏi địa chỉ cụ thể hiện nay anh C đang đi làm và ở đâu thì anh C chỉ nói đang đi làm ăn xa mà không nói cho chị biết địa chỉ cụ thể ở đâu, làm công việc gì. Chị cam đoan và xác định chị đã thông báo cho anh C biết việc chị nộp đơn xin ly hôn anh C tại Tòa án, anh C có biết việc chị gửi đơn đến Toà án giải quyết ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, đồng thời anh C cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú và làm việc hiện nay của mình không cho chị biết để cung cấp cho Tòa án.

Chị xác định không còn tình cảm với anh C, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh C đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế chị và anh C đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh C không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn C theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Bàn Văn C có 03 người con chung là cháu Bàn Thị L, sinh ngày 29/3/2008, cháu Bàn Văn H, sinh ngày 20/6/2012 và cháu Bàn Thị H, sinh ngày 29/4/2015. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 người con chung, chị không yêu cầu anh Bàn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì hiện nay anh C bỏ đi làm ăn ở đâu chị không biết, chị là người trực tiếp nuôi các con, anh C không quan tâm và không gửi tiền về cho chị nuôi con.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Bàn Văn C không có tài sản chung, đất đai chung, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Chị và anh Bàn Văn C không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lưu Thị B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị B giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Toà án tiến hành lấy lời khai của các cháu: Bàn Thị L, sinh ngày 29/3/2008, Bàn Văn H, sinh ngày 20/6/2012 và Bàn Thị H, sinh ngày 29/4/2015 (là con chung của chị Lưu Thị B và anh Bàn Văn C). Các cháu L, H và H đều trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, các cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ các cháu là chị Lưu Thị B. Các cháu tự nguyện ở với mẹ đẻ của các cháu và không bị ai ép buộc gì.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 321/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/10/2022 và các văn bản tố tụng khác cho anh Bàn Văn C biết, báo gọi anh C nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh C không có mặt tại

địa phương, không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng nêu trên theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương Thôn Đ, xã H và Công an xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên được cung cấp thông tin: Hiện nay anh Bàn Văn C là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị B và anh C được tự do tìm hiểu và có đăng kết hôn với nhau năm 2009 tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống giữa chị B và anh C thời gian đầu hạnh phúc bình thường, đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Anh C thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về địa phương thăm gia đình, anh C làm công việc gì, địa chỉ cụ thể ở đâu thì địa phương không biết. Đồng thời đại diện Thôn Đ, xã H cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 321/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/10/2022 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị B và anh C, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi nhờ địa phương giao, tống đạt trực tiếp cho anh C biết nội dung. Tuy nhiên do anh C thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà, không có mặt tại địa phương nên thôn Đèo Tế đã trực tiếp gọi điện thoại thông báo cho anh C biết và tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 321/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/10/2022 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật. Nay chị B làm đơn xin ly hôn với anh C, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Lưu Thị B cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 03 Giấy khai sinh của con chung (bản sao chứng thực); 01 Căn cước công dân của chị B (bản sao chứng thực); 01 Xác nhận thông tin về cư trú (bản gốc).

- Bị đơn anh Bàn Văn C cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Bàn Văn C đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh C đều không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn chị Lưu Thị B chấp hành các quy định pháp luật tốt; Đối với bị đơn anh Bàn Văn C đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc

nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C theo quy định pháp luật. Vì anh C không cho chị B biết thông tin địa chỉ cụ thể nơi ở hiện tại nên chị B không cung cấp để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Vì vậy có thể xác định anh C đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú hiện tại của mình, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn C;

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Bàn Thị L, sinh ngày 29/3/2008, cháu Bàn Văn H, sinh ngày 20/6/2012 và cháu Bàn Thị H, sinh ngày 29/4/2015 cho chị Lưu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Bàn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lưu Thị B và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Lưu Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh Bàn Văn C không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Lưu Thị B có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bàn Văn C nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin chị B cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Bàn Văn C là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã H, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Bàn Văn C tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi anh C đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp: Anh C thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về thăm gia đình và địa phương. Khi đi làm xa, anh C không thông báo địa chỉ nơi cư trú cho chị B và địa phương biết. Chị B có hỏi địa chỉ cụ thể nhưng anh C chỉ nói là đi làm ăn, không nói cho chị B biết địa chỉ cụ thể hiện nay anh đang ở đâu, làm công việc gì. Trước khi chị B nộp đơn ly hôn lên Tòa án thì chị B đã thông báo cho anh C biết việc chị sẽ làm đơn ly hôn với anh gửi Tòa án giải quyết, anh

C biết nhưng nói không về Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý vụ án, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua chị Lưu Thị B (vợ anh C) và tại địa phương. Chị B cam đoan và xác định đã thông báo cho anh C biết Thông báo thụ lý vụ án số 321/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/10/2022 và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh C biết việc chị B nộp đơn ly hôn với anh tại Tòa án, anh C đã biết nhưng không có ý kiến gì và không thông báo lại địa chỉ hiện tại đang cư trú. Như vậy người bị kiện là anh Bàn Văn C đã cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nơi cư trú nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị B và anh Bàn Văn C được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/01/2009 tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị B và anh C là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị B và anh C hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa chị B và anh C không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, không quan tâm, yêu thương và tin tưởng nhau. Thực tế chị B và anh C đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh C đã quá căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dậy con cái. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị B và xử cho chị B được ly hôn với anh Bàn Văn C theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị B và anh Bàn Văn C có 03 người con chung là cháu Bàn Thị L, sinh ngày 29/3/2008, cháu Bàn Văn H, sinh ngày 20/6/2012 và cháu Bàn Thị H, sinh ngày 29/4/2015.

Từ năm 2020 khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay, các con chung gồm cháu Bàn Thị L, Bàn Văn H và Bàn Thị H vẫn trực tiếp ở cùng chị Lưu Thị B và do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét nguyện vọng của các đương sự (anh C đang đi làm ăn xa; Chị Lưu Thị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Bàn Thị L, Bàn Văn H và Bàn Thị H). Đồng thời căn cứ vào ý kiến của các cháu Bàn Thị L, Bàn Văn H và Bàn Thị H (là con chung của chị B và anh C) đều có nguyện vọng sau khi bố mẹ các cháu giải quyết ly hôn, các cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là chị Lưu Thị B; Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của các cháu Bàn Thị L, Bàn Văn H và Bàn Thị H vẫn đảm bảo cả về tinh thần, vật chất và được học tập đầy đủ khi ở với chị Lưu Thị B. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho chị Lưu Thị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Bàn Thị L, Bàn Văn H và Bàn Thị H. Anh Bàn Văn C được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở,

ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Bàn Văn C không đến Tòa án làm việc nên không xác định được anh C có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lưu Thị B không; Đồng thời chị Lưu Thị B không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do đó, Hội đồng xét xử xét không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Lưu Thị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, đất đai chung, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Chị Lưu Thị B xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí:

+ Chị Lưu Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Anh Bàn Văn C không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị B được ly hôn với anh Bàn Văn C;

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Bàn Thị L, sinh ngày 29/3/2008, cháu Bàn Văn H, sinh ngày 20/6/2012 và cháu Bàn Thị H, sinh ngày 29/4/2015 cho chị Lưu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Bàn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lưu Thị B và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

+ Chị Lưu Thị B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005771 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lưu Thị B đã nộp đủ tiền án phí.

+ Anh Bàn Văn C không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị B và anh Bàn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng